

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Ngô Văn Miên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chu Thị Thu L, nơi cư trú: Số nhà 10, đường P, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Chu Thành T, nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn bà Chu Thị Thu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Chu Thành T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hải Phòng vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại số nhà 10, đường P, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng nhất là từ năm 2015 đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác ông T không chịu tu chí làm ăn, mãi chơi bời, cờ bạc, không

quan tâm đến vợ, con. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2015 đến nay, ông T đã về cư trú tại thôn K, xã Q, huyện A, cũng từ đó bà và ông T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Chu Thành T.

Về con chung: Bà và ông Chu Thành T có 01 con chung là Chu Lan A1, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2004. Hiện tại con chung do bà nuôi dưỡng. Bà đề nghị Tòa án giao con chung cho bà tiếp tục nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Chu Thành T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T để ông T đến Tòa án nhân dân huyện An Dương giải quyết việc bà Chu Thị Thu L xin ly hôn nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho bà Chu Thị Thu L được ly hôn ông Chu Thành T; giao con chung Chu Lan A1, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2003 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Bà Chu Thị Thu L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Chu Thị Thu L có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Chu Thành T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Chu Thành T hiện đang cư trú tại thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bà Chu Thị Thu L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Chu Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn

vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt bà Chu Thị Thu L và ông Chu Thành T.

- Về nội dung:

[3] Bà Chu Thị Thu L và ông Chu Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22 tháng 10 năm 2002 theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Tuy ông Chu Thành T không đến Tòa án, nên không có quan điểm của ông T về việc bà Chu Thị Thu L xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, bà Chu Thị Thu L và ông Chu Thành T đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Xét quan hệ hôn nhân của bà Chu Thị Thu L và ông Chu Thành T là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của bà Chu Thị Thu L đối với ông Chu Thành T.

[5] Về con chung: Bà Chu Thị Thu L và ông Chu Thành T có một con chung là Chu Lan A1, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2004. Xét thấy, hiện tại bà L và ông T đều là lao động tự do nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau. Bà L có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho bà nuôi dưỡng. Con chung Chu Lan A1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông T không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa, nên không có quan điểm của ông T về con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần giao con chung Chu Lan A1 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Khi nào ông T có yêu cầu về vấn đề con chung, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Chu Thị Thu L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Chu Thành T không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Bà Chu Thị Thu L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Chu Thành T không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Chu Thị Thu L là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bà Chu Thị Thu L và ông Chu Thành T được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị Thu L được ly hôn ông Chu Thành T.

2. Về con chung: Giao con chung Chu Lan A1, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2004 cho bà Chu Thị Thu L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Chu Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 4024 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Bà Chu Thị Thu L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND phường M; quận N, thành phố Hải Phòng;
- Đường sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

